TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02- 7- 2026.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn."

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Tiến Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hải.

Bà Nguyễn Quỳnh Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Na – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Hà Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thúy N, sinh năm 19xx. Số CCCD: 034197xxxx32. Địa chỉ: Thôn D, xã Chấn Thịnh, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 19xx. Số CCCD: 015093xxxx34. Địa chỉ: Thôn D, xã Chấn Thịnh, tỉnh Lào Cai. Hiện đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2, trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-5-2026, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Đỗ Thị Thúy N trình bày:

Chị Đỗ Thị Thúy N đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03-8-2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, từ năm 2021 đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng tính tình không hợp, khác biệt về quan điểm sống, cách sống, có nhận thức khác nhau về vai trò, trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình mà không thể hòa giải được, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 không còn quan tâm đến nhau nữa. Năm 2023 anh H phải đi chấp hành án phạt 17 năm 02 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2, trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Công T, sinh ngày 22/6/20xx và Phạm Công H, sinh ngày 19/10/20xx. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đỗ Thị Thúy N đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2026 tại Đội 40, phân trại 2, trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an anh Phạm Văn H trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh H cũng đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Công T, sinh ngày 22/6/20xx và Phạm Công H, sinh ngày 19/10/20xx. Ly hôn anh H đồng ý để chị N nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Phạm Văn H xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tuy nhiên anh H không thể có mặt tại Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

+ Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị Thúy N, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh Phạm Văn H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp và phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia

đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xử cho chị Đỗ Thị Thúy N được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn H.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Công T, sinh ngày 22/6/20xx và Phạm Công H, sinh ngày 19/10/20xx cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Do các đương sự không có yêu cầu nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đỗ Thị Thúy N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Chị Đỗ Thị Thúy N có đơn khởi kiện đối với anh Phạm Văn H, anh H có đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn D, xã Chấn Thịnh, tỉnh Lào Cai do vậy vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Thúy N và anh Phạm Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:***

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đỗ Thị Thúy N và anh Phạm Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, việc đăng ký kết

hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng do anh H hiện đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2, trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an không thể có mặt tại Tòa án. Tại bản tự khai anh đồng ý ly hôn với chị N. Chị N đã được Tòa án phân tích, động viên nhưng chị N cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị Thúy N và anh Phạm Văn H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Thúy N với anh Phạm Văn H là có cơ sở và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3]. ***Về con chung:***

Hai vợ chồng có 02 con chung là Phạm Công T, sinh ngày 22/6/20xx và Phạm Công H, sinh ngày 19/10/20xx.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Anh H hiện đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2, trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an không có điều kiện để chăm sóc con nên cũng đồng ý với nguyện vọng của chị N. Cháu Phạm Công T có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy cần giao 02 con chung là Phạm Công T, sinh ngày 22/6/20xx và Phạm Công H, sinh ngày 19/10/20xx cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

[4]. ***Về việc cấp dưỡng nuôi con:***

Chị N không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. ***Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:***

Chị N đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có yêu cầu hay đề nghị gì do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. ***Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:***

Chị Đỗ Thị Thúy N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Phạm Văn H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7]. ***Về quyền kháng cáo:***

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. ***Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tại phiên tòa:***

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị Thúy N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Phạm Công T, sinh ngày 22/6/20xx và Phạm Công H, sinh ngày 19/10/20xx cho chị Đỗ Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đỗ Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/26E số: 0002038 ngày 26-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị Thúy N với anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai.
- VKSND khu vực 4-Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- UBND xã Chấn Thịnh- Lào Cai;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Tiến Phúc